

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Phê duyệt E-HSMT
Gói thầu: Thi công xây lắp (Khu vực Rạch Giá)
Công trình: Sửa chữa khu nhà làm việc Trung tâm
thí nghiệm điện An Giang năm 2026

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN GIANG

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016, Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2011, Luật số 40/2019/QH14 ngày 16/6/2019 và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc Hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, Sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-HĐTV ngày 12/02/2026 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy chế mua sắm;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-HĐTV ngày 24/3/2026 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực miền Nam về việc ban hành Quy định mua sắm trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-HĐTV ngày 27/06/2025 về việc ban hành Quy định về công tác Quản lý kỹ thuật trong Tổng Công ty Điện lực miền Nam;

Quyết định số 399/QĐ-EVNSPC ngày 28/02/2022 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc Ban hành quy trình thực hiện công tác đấu thầu trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 3780/QĐ-EVNSPC ngày 31/12/2025 của Tổng Công ty Điện lực miền Nam về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh – tài chính năm 2026 cho Công ty Điện lực An Giang;

Căn cứ Giấy uỷ quyền số 1710/GUQ-PCAG ngày 20/3/2026 của Giám đốc Công ty Điện lực An Giang;

Căn cứ Quyết định số 961/QĐ-PCAG ngày 03/05/2026 của Công ty Điện lực An Giang về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Thi công xây lắp (Khu vực Rạch Giá) thuộc công trình Sửa chữa khu nhà làm việc Trung tâm thí nghiệm điện An Giang năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 978/QĐ-PCAG ngày 05/05/2026 của Công ty Điện lực An Giang về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Gói thầu: Thi công xây lắp (Khu vực Rạch Giá) thuộc Công trình Sửa chữa khu nhà làm việc Trung tâm thí nghiệm điện An Giang năm 2026;

Căn cứ E-HSMT do Tổ Chuyên gia lập;

Trên cơ sở Tờ trình số 940/QLDA ngày 08/05/2026 của Tổ chuyên gia đấu thầu về việc phê duyệt E-HSMT Gói thầu Thi công xây lắp (Khu vực Rạch Giá) thuộc công trình Sửa chữa khu nhà làm việc Trung tâm thí nghiệm điện An Giang năm 2026;

Xét Báo cáo thẩm định số 484/ĐT ngày 09/05/2026 của Phòng Quản lý Đầu tư về việc thẩm định E-HSMT Gói thầu Thi công xây lắp (Khu vực Rạch Giá) thuộc công trình Sửa chữa khu nhà làm việc Trung tâm thí nghiệm điện An Giang năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ mời thầu Thi công xây lắp (Khu vực Rạch Giá) thuộc công trình Sửa chữa khu nhà làm việc Trung tâm thí nghiệm điện An Giang năm 2026 với nội dung chi tiết như phụ lục đính kèm.

Điều 2. Ban quản lý dự án căn cứ các nội dung đã được phê duyệt tiến hành tổ chức và thực hiện lựa chọn nhà thầu theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông (Bà) Kế toán trưởng; Trưởng Phòng Quản lý Đầu tư, Kế hoạch và Vật tư, Kiểm tra Thanh tra và Pháp chế, Trưởng Ban Quản lý Dự án và Giám đốc xí nghiệp dịch vụ An Giang căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (bản giấy);
- Lưu: VT, ĐT (CN.10).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Ngọc Nền

NỘI DUNG HỒ SƠ MỜI THẦU
Gói thầu: Thi công xây lắp (Khu vực Rạch Giá)
Công trình: Sửa chữa khu nhà làm việc Trung tâm
thí nghiệm điện An Giang năm 2026

(Phụ lục kèm theo Quyết định số: /QĐ-PCAG ngày / /2026)

1. Tên và phạm vi cung cấp của gói thầu

- a. Tên gói thầu: Thi công xây lắp (Khu vực Rạch Giá)
- b. Tên công trình: Sửa chữa khu nhà làm việc Trung tâm thí nghiệm điện An Giang năm 2026
- c. Giá trị dự toán gói thầu (đã bao gồm VAT 8%): **8.165.992.443 đồng.**
- d. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II năm 2026;
- e. Nguồn vốn: Vốn SCL năm 2026 của Công ty Điện lực An Giang;
- f. Phạm vi công việc:
 - Cung cấp vật tư, thiết bị và thi công công trình theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt, đảm bảo an toàn trong quá trình thi công.
 - Hoàn thiện các loại giấy phép có liên quan.
 - Hoàn thiện hồ sơ chất lượng công trình theo quy định hiện hành.
- g. Hình thức và Phương thức lựa chọn nhà thầu:
 - Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước (qua mạng);
 - Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ.
- h. Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày.

2. Hồ sơ mời thầu:

Lập theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cụ thể nội dung như sau:

- a. Hồ sơ mời thầu bao gồm:
 - Mô tả tóm tắt
 - **Phần 1. Thủ tục đấu thầu**
 - Chương I. Chi dẫn nhà thầu
 - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu
 - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu
 - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu
 - **Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật**
 - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật
 - **Phần 3. Điều kiện hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng**
 - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng
 - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng
 - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

b. Ngôn ngữ Hồ sơ dự thầu: Tiếng Việt.

c. Hiệu lực Hồ sơ dự thầu: ≥ 120 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu (hết hạn nộp hồ sơ dự thầu).

d. Bảo đảm dự thầu: **120.000.000 đồng**.

e. Giá dự thầu và đồng tiền sử dụng:

– Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV vào đơn dự thầu;

– Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong Bảng tổng hợp giá dự thầu; đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.

– Giá dự thầu bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu. Nhà thầu phải chào đơn giá cho từng hạng mục công việc theo phạm vi công việc tại Mẫu số 01B, Mẫu số 01C Chương IV;

– Trường hợp tại cột “đơn giá dự thầu” ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được chủ đầu tư thanh toán riêng. Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT, bảo đảm chất lượng, tiến độ;

– Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại;

– Nhà thầu phải nộp E-HSMT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Mô tả công việc mời thầu” theo Mẫu số 01 (01A hoặc 01B hoặc 01C hoặc 01D hoặc 01E) Chương IV;

– Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện các công việc theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT. Trường hợp nhà thầu có giá dự thầu thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của giá dự thầu thấp khác thường đó theo quy định tại khoản 11 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;

– Đồng tiền sử dụng: Việt Nam đồng (VNĐ).

f. Điều kiện được xem xét trúng thầu:

– Có E-HSMT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì bên mời thầu cần yêu cầu nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu;

– Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;

– Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;

– Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí) không vượt dự toán gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL;

g. Số lượng bản hồ sơ dự thầu: Không yêu cầu

h. Nội dung yêu cầu đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng: Theo E-ĐKC 5.2 thuộc Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng.

i. Loại hợp đồng: Hợp đồng Đơn giá cố định.

j. Điều chỉnh giá hợp đồng: Theo quy định hiện hành.

k. Tiêu chuẩn đánh giá:

- Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT: Theo tiêu chí đạt, không đạt
- Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Theo tiêu chí đạt, không đạt
- Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật: Theo tiêu chí đạt, không đạt;
- Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Theo Phương pháp giá thấp nhất.

l. Điều kiện thanh toán:

❖ Tạm ứng: 20% Giá trị hợp đồng (Theo từng công trình – Không bao gồm thuế VAT và chi phí dự phòng).

+ Phương thức tạm ứng: chuyển khoản.

+ Thời gian tạm ứng: 20 ngày làm việc sau khi Chủ đầu tư nhận được các tài liệu sau.

(i) Giấy đề nghị tạm ứng của nhà thầu, trong đó có thể hiện giá trị tạm ứng của công trình;

(ii) Bảo lãnh thực hiện hợp đồng;

(iii) Bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng với giá trị tạm ứng nêu trên và có hiệu lực đến khi nhà thầu hoàn trả hết tạm ứng, theo Mẫu quy định;

(iv) Lệnh khởi công công trình.

(v) Hợp đồng bảo hiểm, chứng từ thanh toán phí bảo hiểm + hóa đơn bảo hiểm

+ Hoàn trả tiền tạm ứng: Số tiền tạm ứng này sẽ được chủ đầu tư thu hồi hết ngay từ lần thanh toán đầu tiên.

+ Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.

+ Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau:

(1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích;

(2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng;

(3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

+ Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên

B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

+ Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

+ Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

❖ **Thanh toán:**

– Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

– Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

– Thời hạn và nguyên tắc thanh toán: trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán hoặc theo thời gian giải ngân khoản vay thương mại do ngân hàng tài trợ vốn bên chủ đầu tư thực hiện.

+ Số lần thanh toán sẽ được tiến hành tối đa 03 lần cho từng công trình.

+ Các đợt đầu: Thanh toán giá trị hạng mục hoàn thành sau khi nhà thầu hoàn thành khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc theo hợp đồng và thu hồi hết giá trị đã tạm ứng trong lần thanh toán đợt 1. Tổng giá trị thanh toán các đợt này không kể đợt cuối chỉ đạt tối đa 80% giá trị hợp đồng.

+ Đợt cuối: Thanh toán toàn bộ giá trị thực hiện còn lại sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc (hoàn tất các thủ tục tổng nghiệm thu công trình, quyết toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoàn trả VTTB A cấp dư (nếu có), hoàn trả VTTB thu hồi trên lưới điện hiện hữu (nếu có), hoàn tất việc lập và phê duyệt công tác phát sinh, hoàn tất lập và nộp bản vẽ hoàn công...) và Bên giao thầu nhận được bảo lãnh bảo hành có giá trị tương đương 5% giá trị hợp đồng. Bảo lãnh bảo hành phải có hiệu lực cho đến hết thời gian bảo hành.

+ Mỗi đợt thanh toán, chủ đầu tư giữ lại 5% giá trị thanh toán

❖ **Hồ sơ thanh toán gồm:**

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng) có xác nhận của đại diện Bên giao thầu hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện Bên nhận thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng.

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu (phụ lục 03.b).

+ Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng xây dựng (gọi là quyết toán A-B).

+ Hóa đơn GTGT;

+ Biên bản thanh lý hợp đồng (thanh toán đợt cuối).

+ Bảo lãnh bảo hành do Ngân hàng phát hành và phải là bảo lãnh không có điều kiện không hủy ngang (đợt cuối)